

TÍNH TẤT YẾU CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Trung Hiếu

Sở Ngoại vụ Hải Phòng

Email: nguyen.hieu@hotmail.com

Ngày nhận bài: 23/3/2023

Ngày PB đánh giá: 18/4/2023

Ngày duyệt đăng: 05/5/2023

TÓM TẮT: Ngày nay, phát triển kinh tế xanh đã trở thành xu hướng tất yếu của nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam. Phát triển xanh đã trở thành một yêu cầu cấp thiết của các nền kinh tế trước tình hình biến đổi khí hậu và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; phản ánh các xu hướng tìm kiếm mô hình tăng trưởng mới với ngành công nghiệp xanh nổi lên như một mũi nhọn, tạo động lực tăng trưởng mới và mang tính cạnh tranh cao; đồng thời thể hiện những nỗ lực của các chính phủ trong tái cấu trúc nền kinh tế hướng đến tăng trưởng xanh và bền vững. Nghiên cứu này sẽ mang lại những hiểu biết về nền kinh tế xanh, vai trò và động lực của nó đối với Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Kinh tế xanh, phát triển bền vững, kinh tế Việt Nam, yếu tố thúc đẩy.

INDISPENSABILITY OF GREEN ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAM

ABSTRACT: Today, green economic development has become an inevitable trend of the world economy as well as of Vietnam. Green development has become an urgent requirement of economies in the face of climate change and natural resource depletion, reflecting the trends of searching for new growth models with green industry emerging as a spearhead, creating a new and highly competitive growth driving force. At the same time, it demonstrates the efforts of governments in restructuring the economy towards green and sustainable growth. This study will bring insights into the green economy, its role and motive power for Vietnam nowadays.

Keywords: Green Economy, Sustainable Development, Vietnam's Economy, Driving force.

1. GIỚI THIỆU

Gần đây, trên thế giới có nhiều khái niệm và thuật ngữ gắn với kinh tế xanh (tiếng Anh: Green Economy), như Kinh tế học sinh thái (Ecological Economics), Kinh tế học xanh (Green Economics) ... Kinh tế xanh được sử dụng rộng rãi từ năm 2008 trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính và sự cần thiết “kích thích kinh tế xanh” với nhiều định nghĩa khác nhau. Liên minh châu Âu (EU) cho rằng “*Kinh tế xanh là nền kinh tế tăng trưởng thông minh, bền vững và công bằng*”. Kinh tế xanh là sự kết hợp giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Kinh tế xanh có tính chất bền vững, có nghĩa là những hoạt động tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị có ích lợi, hướng đến phát triển cuộc sống của cộng đồng xã hội con người, đồng thời những hoạt động này thân thiện với môi trường.

Khái niệm kinh tế xanh đã trở nên phổ biến trong giới hoạch định chính sách quốc tế, khu vực và quốc gia: ban đầu là một phản ứng đối với cuộc khủng hoảng tài chính (Bina và La Camera 2011), nhưng cũng là một động lực cho tăng trưởng và phát triển. Đây là một chương trình nghị sự về chính sách hoạt động nhằm đạt được tiến bộ có thể đo lường được trong mối quan hệ giữa môi trường và kinh tế (Schmalensee 2012), với tư cách là một “trụ cột” thực hiện phát triển bền vững để dẫn dắt quá trình chuyển đổi sang các nền kinh tế xanh, carbon thấp.

Tại Việt Nam, vấn đề tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, trong đó có kinh tế xanh đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm trong thời gian qua, đã trở thành chủ trương với nhiều biện pháp cụ thể. Tất cả những điều đó đều dựa trên những cơ sở khoa học, chứ không chỉ là những quyết tâm chính trị đơn thuần. Cụ thể, trong những năm qua, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường như Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 1474/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020 nhằm hiện thực hóa các nhiệm vụ của Chiến lược; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.

Mục đích của nghiên cứu này là chỉ ra tầm quan trọng của kinh tế xanh, và tính tất yếu của việc phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu sẽ đem lại sự hiểu biết về nền kinh tế không phát thải mà các nước trên thế giới đang hướng tới trong giai đoạn gần đây.

2. VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Kinh tế xanh

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009 được xem như là nguyên nhân chính dẫn đến cho sự trỗi dậy toàn cầu của nền kinh tế xanh. Các tác động tổng hợp của suy thoái kinh tế toàn cầu, thay đổi môi trường do con người gây ra và bất bình đẳng xã hội nghiêm trọng đã dẫn đến những lời kêu gọi quốc tế về chuyển đổi căn bản các phương thức phát triển hiện tại và chuyển đổi sang một “nền kinh tế xanh” (Davies 2013, 1285). Tuy nhiên, bản thân khái niệm này lần đầu tiên xuất hiện với Kế hoạch chi tiết về nền kinh tế xanh của Pearce và cộng sự (1989) cho Bộ Môi trường Vương quốc Anh.

Nền tảng khái niệm của nền kinh tế xanh thừa nhận rằng sự tách biệt giữa chính sách phát triển kinh tế và môi trường là thiếu chính xác (Barbier 2013). Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc đã dán nhãn các gói kích thích của họ là “Thỏa thuận mới xanh” (Zysman và cộng sự 2012); lý do căn bản là các kích thích tài chính xanh mang lại động lực cho nền kinh tế, đồng thời đặt nền móng cho sự tăng trưởng bền vững và ổn định hơn trong tương lai (Bowen và cộng sự 2009). Những biện pháp như vậy thừa nhận rằng phục hồi kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu không đối lập nhau (Bowen và cộng sự 2009). Tăng trưởng xanh được định vị là một giải pháp thay thế hấp dẫn hơn để phục hồi kinh tế thay vì quay trở lại tăng trưởng “nâu” (van der

Ploeg và Withagen 2013). Mặc dù chúng là các chính sách “một lần”, các biện pháp can thiệp tạm thời có thể mang lại tăng trưởng bền vững trong dài hạn khi tính bền vững của các yếu tố đầu vào được đảm bảo (Acemoglu và cộng sự 2012).

Sau năm 2009, nền kinh tế xanh đã phát triển thành một khung chính sách rộng lớn hơn. Năm 2012, Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển bền vững (UNCSD, hay Rio+20) là tiêu điểm cho nền kinh tế xanh trên phạm vi quốc tế. Có đủ hy vọng trong quá trình xây dựng rằng Rio+20 sẽ tạo ra đủ tiến bộ để mang lại cho khái niệm này sự hỗ trợ chính trị và tài chính cần thiết, hoặc ít nhất là sự công nhận vai trò trung tâm hơn trong các cuộc tranh luận chính sách quốc tế (Damon và Sterner 2012; Martinelli và Midttun 2012; Sierra 2012; Zysman và cộng sự 2012).

Clark nhận xét rằng “Rio+20 nhấn mạnh rằng các nền kinh tế phải được làm cho vừa xanh vừa toàn diện. Nó chỉ ra rằng xóa đói giảm nghèo là thách thức cấp bách nhất của thế giới” (2013, 19). Tuy nhiên, nhiều nhà bình luận kết luận rằng UNCSD là một cơ hội bị bỏ lỡ để đưa nền kinh tế xanh trở thành trung tâm của các cuộc tranh luận chính sách quốc tế (Clémenton 2012; Halle 2012; Powers 2012; Barbier 2013).

Cùng với những nghiên cứu trên thế giới, ở Việt Nam cũng có hàng loạt nghiên cứu về kinh tế xanh như tác giả *Tuấn Sơn* (Phát triển kinh tế xanh vì môi

trường sống bền vững); Lê Nguyễn (Phát triển kinh tế xanh - hướng đi tất yếu); *Nguyễn Tuấn Phong* (Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025); *Anh Vân* (Kinh tế xanh là gì? Thực trạng kinh tế xanh tại Việt Nam); *Nguyễn Thị Lan Anh* (Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp); *Đinh Hồng Linh và Nguyễn Thị Hằng* (Nghiên cứu về phát triển kinh tế xanh nhằm hướng tới chiến lược tăng trưởng kinh tế bền vững: Trường hợp nghiên cứu điển hình tại tỉnh Thái Nguyên); *Nguyễn Thị Quỳnh Hương và Nguyễn Thị Vân Chi* (Kinh tế xanh và thực tiễn tại Việt Nam); *Phạm Đức Anh* (Phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam)

2.2 Vai trò của kinh tế xanh

Kinh tế xanh tạo điều kiện phát triển bền vững; là sự kết hợp giữa 3 yếu tố: kinh tế - xã hội - môi trường. Kinh tế xanh là những hoạt động tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị có ích lợi, hướng đến phát triển cuộc sống của cộng đồng xã hội con người; đồng thời, những hoạt động này thân thiện với môi trường.

Kinh tế xanh là cần thiết bởi nó cải thiện đời sống con người và tài sản xã hội, tạo ra việc làm, đồng thời, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, nóng lên toàn cầu, cạn kiệt nguồn tài nguyên và suy thoái môi trường. Kinh tế xanh bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Kinh tế xanh mang lại sự bình đẳng, công bằng và chính đáng giữa và trong các quốc gia và giữa các thế hệ. Kinh tế xanh giúp cải thiện khả năng quản trị và

nhà nước pháp quyền. Bao gồm: Dân chủ; có sự tham gia của cộng đồng; chịu trách nhiệm; ổn định.

Kinh tế xanh là sự thay đổi mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự thay đổi cơ bản của chính phủ để đặt các ưu tiên về xã hội và môi trường lên trên các ưu tiên tài chính. Nhận ra sự thay đổi này không phải là dễ, nhưng là cần thiết. Nếu không, tiến trình hướng tới các Mục tiêu phát triển bền vững sẽ là chắp vá và không nhất quán, đồng thời các thách thức về kinh tế, môi trường, khí hậu và xã hội sẽ tiếp tục gia tăng.

2.3 Các yếu tố thúc đẩy của nền kinh tế xanh

UNEP lập luận rằng việc đạt được tính bền vững gần như hoàn toàn phụ thuộc vào việc làm cho nền kinh tế trở nên “đúng đắn” (UNEP 2011). Nền kinh tế xanh có thể được hiểu là một phương tiện thích hợp để tái tập trung phát triển bền vững vào những phương tiện quan trọng nhất để thực hiện nó và các mối liên hệ nội tại giữa kinh tế và môi trường. Theo cách này, được định vị giữa các mục tiêu và kết quả xã hội, nền kinh tế xanh có thể được khái niệm hóa như một “nhân tố hỗ trợ” cho sự phát triển bền vững. Đạt được các mục tiêu xã hội có thể dẫn đến phát triển bền vững như một kết quả. “Các yếu tố hỗ trợ” được minh họa là những ví dụ về nhiều yếu tố cần thiết để đạt được sự phát triển bền vững và chắc chắn có sự tương tác giữa chúng (nền kinh tế xanh được hỗ trợ bởi định giá vốn tự nhiên và đòi hỏi chủ nghĩa đô

thị bền vững vừa là nền tảng vừa là một quá trình đồng hành). Các chiến lược kinh tế xanh có thể phù hợp với phát triển bền vững như là kết quả cần đạt được (hay theo thuật ngữ Rio+20).

Các cuộc đàm phán COP 21 tại Paris năm 2015 (theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu) đã đưa ra một hiệp ước ràng buộc có hiệu lực vào năm 2020, đưa ra một yêu cầu cấp thiết khác để “đổi mới” thành công các khái niệm kinh tế xanh. Việc hạn chế sự nóng lên ở mức dưới 2°C (với xác suất cao) sẽ yêu cầu lượng khí thải toàn cầu đạt mức cao nhất vào năm 2020, đạt mức phát thải bằng 0 trong khoảng thời gian từ năm 2060 đến năm 2080, sau đó mức phát thải hàng năm là âm cho đến năm 2100 (và lượng khí thải CO₂ từ quá trình đốt nhiên liệu hóa thạch và ngành công nghiệp sẽ cần đạt mức 0 từ năm 2045 đến 2065) (Hare và cộng sự 2014). Mặc dù các cam kết giảm phát thải hiện tại không thể hiện mức giảm đủ để hạn chế nhiệt độ tăng lên 2°C (Evans và Yeo 2015), nhưng việc công nhận các cơ hội chuyển đổi các-bon thấp có thể là một công cụ mạnh mẽ để thực hiện các cam kết giảm mạnh hơn (Stern 2014) theo “tham vọng” của thỏa thuận cơ chế. Các phương pháp tiếp cận nền kinh tế xanh cũng có thể chứng minh các cơ hội kinh tế của quá trình chuyển đổi carbon thấp trước thời hạn năm 2025 để thống nhất mục tiêu tài chính carbon tập thể mới (Liên hợp quốc 2015).

2.4 Bối cảnh ở Việt Nam

Trong quá trình phát triển, hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức như:

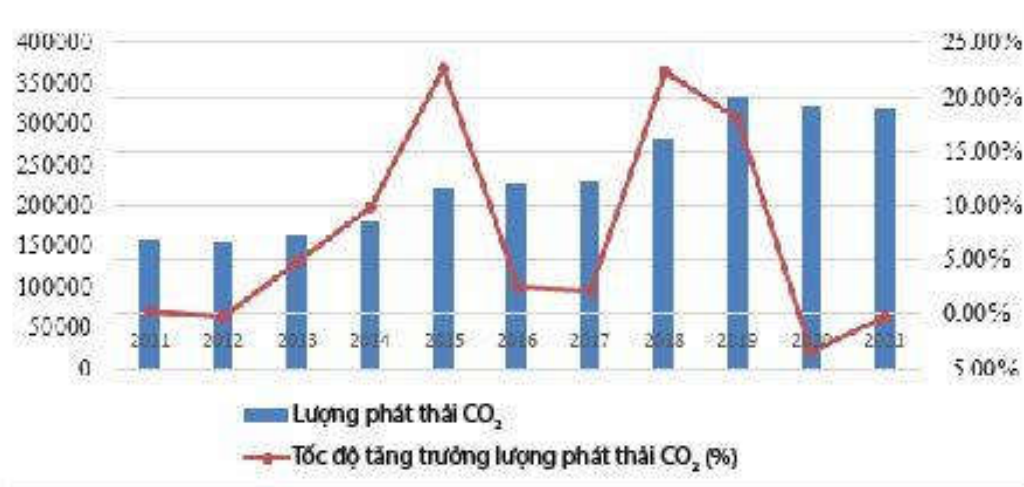
Về năng lượng. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khá cao và liên tục, vì thế, nhu cầu năng lượng cũng tăng từ 8,1-8,7% trong giai đoạn 2001-2020; thuộc nhóm những nước tiêu thụ năng lượng tương đối lớn so với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, cán cân cung cầu năng lượng của Việt Nam có dấu hiệu mất cân đối, việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm, tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới ở Việt Nam vẫn còn chậm, chưa hiệu quả. Việt Nam đã khai thác đến 90% tiềm năng thủy điện. Trong khi đó, năm 2015, khai thác than đá đáp ứng từ 96%-100% nhu cầu sử dụng, nhưng từ năm 2020, khả năng này chỉ đáp ứng được 60%. Từ 2015 Việt Nam đã phải nhập than từ Australia.

Biến đổi khí hậu sẽ tác động rất lớn đến Việt Nam. Những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển, tần suất xuất hiện và mức độ ảnh hưởng của siêu bão, lũ và áp thấp nhiệt đới... đến Việt Nam ngày càng nhiều. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đây được coi là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự thay đổi môi trường, hệ sinh thái, là nguy cơ gây ra tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới. Ngân hàng Thế giới World Bank ước tính biến

đôi khí hậu sẽ làm giảm 3,5% GDP của Việt Nam vào năm 2050.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng. Hình 2 cho thấy, lượng phát thải CO₂ đã đưa Việt Nam nằm trong số những quốc gia gây ô nhiễm nhiều nhất trên thế giới năm 2021. Lượng phát thải CO₂ ở Việt Nam trong suốt giai đoạn 2011 - 2021 có xu hướng tăng. Theo đó, trong năm 2021 Việt Nam đã thải ra 0,31 kg cho mỗi 1.000 USD GDP. Như vậy, phát triển kinh tế trong thời gian qua đã

làm tăng nhu cầu tiêu thụ năng lượng, đồng nghĩa với việc lượng phát thải CO₂ có xu hướng tăng nhanh qua các năm. Không chỉ trong sản xuất, mà trong sinh hoạt, tình trạng ô nhiễm cũng tăng lên. Ví dụ, năm 2020, thành phố Hồ Chí Minh có hơn 9 triệu phương tiện cá nhân. Trong đó, có hơn 825.000 ô tô (tăng gần 16%) và 8,12 triệu xe máy (tăng hơn 6%). Như vậy, chỉ trong khoảng 10 năm (từ năm 2010 đến nay) đã tăng thêm hơn 4 triệu phương tiện giao thông.



Hình 2: Lượng phát thải CO₂ ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2021. Đơn vị: Nghìn tấn. Nguồn: <https://tapchinganhang.gov.vn/phat-trien-kinh-te-xanh-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam.htm>

Về cơ cấu kinh tế. Công nghiệp vẫn tập trung vào khai thác tài nguyên và công nghệ sản xuất còn lạc hậu so với thế giới, làm tiêu hao năng lượng, tài nguyên trong sản xuất, dẫn đến nguy cơ hủy hoại môi trường. Trong khi đó, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức và tồn tại những hạn chế về nguồn vốn, sự bất

ổn của thị trường, cơ chế chính sách, nguồn nhân lực chất lượng cao. Nguồn lực tài chính cho mục tiêu xanh hóa nền kinh tế của Việt Nam còn khá hạn chế trong bối cảnh ngân sách nhà nước hạn hẹp. Bên cạnh đó, những biến động và bất ổn từ nền kinh tế thế giới đã có tác động không nhỏ đến kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Chất lượng nguồn lao động cho kinh tế xanh tại Việt Nam chưa đáp

ứng được yêu cầu về trình độ. So với thế giới thì dây chuyền sản xuất và công nghệ ở Việt Nam phần lớn là cũ và lỗi thời, tiêu tốn khá nhiều nhiên liệu và năng lượng. Do đó, việc áp dụng dây chuyền sản xuất hiện đại và công nghệ tiên tiến vào nền kinh tế xanh là thách thức lớn cho Việt Nam, rất cần có nguồn nhân lực chất lượng cao đảm nhiệm.

Về hành lang pháp lý. Mặc dù Chính phủ cũng đã ban hành và phê duyệt các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn chưa thật sự đồng bộ, chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định về năng lượng xanh và năng lượng tái tạo; cần ban hành luật mới về phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường... Bên cạnh đó, công tác quản lý thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xanh ở các ngành, vùng và địa phương trên cả nước chưa thật sự liên kết và thống nhất với nhau.

2.5 Những thuận lợi để phát triển kinh tế Xanh ở Việt Nam

Bên cạnh những khó khăn, thách thức trên, thì việc phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam cũng có những thuận lợi, cơ hội nhất định.

Về chủ trương. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng

đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Định hướng phát triển. Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường như Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2023...

Về điều kiện tự nhiên. Việt Nam có nguồn năng lượng mặt trời dồi dào, năng lượng gió phong phú... là lợi thế để tham gia vào các chương trình mục tiêu thiên niên kỷ, hướng tới xây dựng một “nền kinh tế xanh” phát triển bền vững.

Nhận thức của người tiêu dùng. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới tiêu dùng thông minh, bền vững, cũng như những sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường. Tiêu dùng ngày nay không chỉ đòi hỏi sự thông minh về chất lượng sản phẩm, mà còn đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về tính xã hội và tính nhân

văn của từng sản phẩm. Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19, người dân các và nhà đầu tư đã chuyển dần thói quen mua sắm bằng các kênh tiêu dùng “xanh” và ưu tiên cho bảo vệ sức khỏe, tái tạo năng lượng. Xu hướng tiêu dùng xanh kéo theo các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch, nhằm đáp ứng nhu cầu mua sản phẩm sạch, rõ nguồn gốc của người dân. Nhiều cửa hàng trà sữa, cà phê chuyển sang kinh doanh theo xu hướng xanh bằng cách sử dụng ống hút tre hoặc inox thay cho ống hút nhựa; hạn chế sử dụng các loại nước đóng chai có bao bì khó phân hủy; chỉ sử dụng túi giấy thay vì sử dụng túi nylon... Sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng trên đây là cơ hội đối với doanh nghiệp trong việc sản xuất, cung ứng hàng hóa theo các tiêu chí xanh, sạch, minh bạch thông tin sản phẩm để thu hút người tiêu dùng.

Về hợp tác quốc tế. Kinh tế xanh ở Việt Nam đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ từ nhiều tổ chức quốc tế; cộng đồng trên thế giới. Ngày 24/5/2022, tại “Diễn đàn và triển lãm kinh tế xanh (GEFE) 2022”, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) cho biết, các doanh nghiệp châu Âu muốn chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế xanh cho Việt Nam. Đối với Ngân hàng Thế giới World Bank, thời gian qua, tổ chức này đã tích cực hỗ trợ cho Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là việc đầu tư vào các dự án về công nghiệp xanh, năng lượng xanh, phát triển cơ sở hạ tầng, quản lý môi trường đô thị và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kể từ

năm 1994 cho đến nay, WB đã cam kết hỗ trợ Việt Nam hơn 25,3 tỷ USD để phát triển đất nước. Trong khi đó, hợp tác với Nhật Bản nói chung và hợp tác với Nhật Bản trong lĩnh vực tăng trưởng xanh nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam.

2.6 Tính tất yếu của phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Những phân tích trên cho thấy, phát triển kinh tế xanh không chỉ là xu hướng tất yếu của nền kinh tế thế giới, mà còn ở Việt Nam. Vì thế, từ chính phủ cho tới các doanh nghiệp cần phải xem đây là chìa khóa cho chiến lược phát triển trong tương lai... Kinh tế xanh là một thách thức cho chính phủ, doanh nghiệp và người dân nhưng đồng thời là cơ hội để tạo lợi thế cạnh tranh cho từng doanh nghiệp, cũng như cho đất nước. Trong nền kinh tế xanh, tăng trưởng về thu nhập, việc làm thông qua đầu tư của Nhà nước và tư nhân cho nền kinh tế sẽ làm giảm thiểu phát thải cacbon, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học và dịch vụ của hệ sinh thái.

Trong công nghiệp Việt Nam, kinh tế xanh tập trung vào 2 mục tiêu chính là hạn chế phát thải khí CO₂, hóa chất độc hại từ các khu công nghiệp, khu chế xuất ra ngoài môi trường; đồng thời, nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng mới, máy móc kỹ thuật mới thân thiện với môi trường. Việc ứng dụng các nguồn năng lượng sạch vào sản xuất công nghiệp như năng lượng gió, năng

lượng mặt trời, năng lượng sinh học cần được quan tâm nhiều hơn nữa.

Trong nông nghiệp, kinh tế xanh sẽ gia tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, đồng thời bảo đảm các giá trị “xanh” đối với môi trường và “an toàn” đối với con người. Với công nghệ sinh học, phân bón sinh học, hoạt chất sinh học quản lý sâu bệnh, áp dụng những tiến bộ trong canh tác và nghiên cứu về giống, kỹ năng thâm canh mới, xử lý và chế biến sinh khối, nông nghiệp xanh đang là xu hướng tất yếu ngày nay. Nền nông nghiệp xanh còn tạo điều kiện để phát triển nền văn minh sinh thái, xây dựng nếp sống văn hóa kết hợp hài hòa giữa con người với tự nhiên, người với người, người với xã hội theo một chu trình văn minh, giàu tính nhân văn. Cùng với đó, phát triển nông nghiệp xanh sẽ góp phần ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường, cũng như giảm hiệu ứng nhà kính.

Trong dịch vụ, kinh tế xanh sẽ chú trọng xây dựng và khai thác các loại hình dịch vụ gắn với gìn giữ, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường. Du lịch bền vững đang phát triển mạnh mẽ. Nhu cầu tiêu dùng gia tăng, các nhà cung cấp dịch vụ du lịch triển khai ngày càng đưa ra nhiều chương trình du lịch xanh, trong khi các chính phủ cũng đang đẩy mạnh triển khai xây dựng những chính sách nhằm khuyến khích hoạt động du lịch bền vững. Một trong những tiêu chí hàng đầu của du lịch xanh được đưa ra là Dịch vụ du lịch kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

Mục tiêu của Việt Nam là đến năm 2030 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Điều này đã gia tăng áp lực đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Do đó, phát triển kinh tế xanh là một xu thế tất yếu, vừa đảm bảo mục tiêu hiện đại hóa nền kinh tế, vừa phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ góc độ quan hệ quốc tế, Việt Nam không thể mãi dựa vào các khoản viện trợ, các gói vay từ quốc tế nếu muốn phát triển đất nước bền vững. Bên cạnh thiên tai, biến đổi khí hậu thì tình hình dịch bệnh (cúm gia cầm, Covid-19...) đã tác động rất lớn đến kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước bền vững, chỉ có phát triển xanh, tăng trưởng xanh mới là lựa chọn đúng đắn và lâu dài.

Trong bối cảnh dịch Covid-19, nhiều quốc gia đang thúc đẩy phục hồi tăng trưởng kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh hay “phục hồi xanh”. Với Việt Nam, việc chuyển hướng sang kinh tế xanh và tăng trưởng xanh không chỉ là lựa chọn tất yếu mà còn là cơ hội để trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực, bắt kịp xu thế phát triển của thế giới.

3. Những giải pháp phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về kinh tế xanh. Mặc dù hiện nay ở Việt Nam đã có một số văn bản pháp lý về kinh tế xanh, song trên thực tế, nhận thức về nền kinh tế này vẫn chưa thật đầy đủ và chính xác. Đặc biệt, nhận thức của

hiều doanh nghiệp và người dân về nền kinh tế xanh vẫn còn khá mới mẻ, chưa thống nhất, thiếu đầy đủ và đồng thuận; công nghệ sản xuất trong nước vẫn còn lạc hậu, tiêu hao năng lượng lớn; tích lũy quốc gia ở ngưỡng nước thoát khỏi ngưỡng nghèo cộng chính sách còn chưa rõ ràng nên việc cơ cấu kinh tế xanh cũng là thách thức không nhỏ cộng với việc thiếu đồng bộ và quy mô nhỏ lẻ trong chiến lược, quy hoạch phát triển theo hướng xanh...

Thứ hai, xây dựng chiến lược về kinh tế xanh. Để thực hiện chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế xanh được hiệu quả thì điều quan trọng là phải lồng ghép vào chiến lược phát triển kinh tế chung cùng với việc phân bổ ngân sách cụ thể, bảo đảm có đủ nguồn lực trong thời gian dài trước khi nhận được những hiệu quả cụ thể do nền kinh tế xanh mang lại. Chính phủ cần có chiến lược để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xanh bằng cách xây dựng hành lang pháp lý công bằng và có hiệu lực, có những chế tài đối với những tổ chức, cá nhân có hành vi hủy hoại môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Xây dựng những luật, quy định thúc đẩy, khuyến khích, hỗ trợ phát triển cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hướng phát triển xanh, kinh doanh xanh, bảo vệ môi trường. Tài nguyên và nguồn lực của quốc gia phải được giao tới những tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có năng lực sử dụng nguồn lực mang lại hiệu quả cao nhất cho xã hội

và hướng đến mục tiêu xây dựng nền kinh tế xanh.

Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu về biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Việt Nam cần có những đánh giá đúng mức về tác động của biến đổi khí hậu, giảm thiểu suy thoái môi trường và nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu là mục tiêu quan trọng, cấp bách, cần sớm được giải quyết để đảm bảo phát triển xanh trong thời gian tới.

Thứ tư, cần đa dạng hóa, khai thác tối đa các nguồn năng lượng sạch. Cần tập trung phát triển nhiên liệu biogas, là năng lượng tái tạo từ các chất hữu cơ, chất thải chăn nuôi, bùn thải, có thể thay thế điện hay các nhiên liệu đốt trong để vận hành máy móc, dây chuyền sản xuất mà không gây ô nhiễm môi trường. Đây được coi là một nghiên cứu ứng dụng khả thi, giảm dần sự phụ thuộc vào các nguồn nhiên liệu hóa thạch có hại cho môi trường.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế xanh. Ở Việt Nam, kinh tế xanh mới chỉ bắt đầu. Tuy nhiên, với lợi thế của nước đi sau, Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển một nền kinh tế xanh toàn diện, hướng tới sự phát triển bền vững, đạt mục tiêu hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Để tranh thủ lợi thế đi sau, Việt Nam cần chủ động và tích cực học tập kinh nghiệm các nước đã thành công về kinh tế xanh, kết hợp với linh hoạt trong xây dựng chính sách phát triển cơ cấu ngành, nghề và điều chỉnh

sao cho phù hợp với chính trị, xã hội, vị trí địa lý và nền văn hóa của Việt Nam. Đồng thời, đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài cần được kiểm soát chặt chẽ. Kiên quyết không cho các tập đoàn, tổ chức nước ngoài có xu hướng gây hại đến môi trường được phép đầu tư kinh doanh, xây dựng, sản xuất.

Thứ sáu, chú trọng vào khoa học học công nghệ trong phát triển kinh tế xanh. Đầu tư cho khoa học và công nghệ cần được tăng cường, đồng thời tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam, đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực ngành nghề phát triển kinh tế xanh như giảm thiểu phát thải carbon, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng thân thiện với môi trường... Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ cần được đẩy mạnh, vì đây là nội dung quan trọng trong việc thiết lập các cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn để xây dựng cơ chế, chính sách, các giải pháp quản lý, đóng góp tích cực vào việc dự báo, phòng ngừa, cải tạo, phục hồi, xử lý ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời, cần có các chính sách ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu, không thân thiện với môi trường chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, đáp ứng tiêu chuẩn của nền kinh tế xanh.

4. KẾT LUẬN

Nền kinh tế xanh có thể là một lựa chọn không thể bỏ qua để cố gắng xây

dựng sự đồng thuận trong dịp Rio+20, và để thúc đẩy hành động nhanh chóng vào thời điểm khủng hoảng. Với tình trạng hiện tại của hành tinh, được các nhà khoa học minh họa với sự cấp bách mới trong quá trình xây dựng Rio+20, và sự thừa nhận về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các cuộc khủng hoảng kinh tế và sinh thái, chúng ta không cần gì khác hơn là một khái niệm khác về tiến bộ kinh tế xã hội, dựa trên sự hiểu biết mới về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Nghiên cứu đã chỉ ra xu hướng tất yếu của nền kinh tế xanh đối với Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Đối với Việt Nam, nền kinh tế xanh được nhận được nhiều sự quan tâm của Chính phủ và người dân. Rõ ràng, đây là những động lực quan trọng giúp Việt Nam tiến tới một nền kinh tế tuần hoàn, xanh hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aberbach J D and Christensen T (2001), *Radical reform in New Zealand: crisis, windows of opportunity, and rational actors* *Public Administration* 79 403-22.
2. Bina O and La Camera F (2011), *Promise and shortcomings of a green turn in recent policy responses to the “double crisis”* *Ecological Economics* 70 2308-16.
3. Bloomberg New Energy Finance (BNEF) (2016)b, *New energy outlook 2016* Bloomberg, New York.
4. Bowen A, Fankhauser S, Stern N and Zenghelis D (2009), *An outline of the case for a “green” stimulus* Grantham

Research Institute on Climate Change and the Environment, London.

5. Caprotti F (2010), *From finance to green technology activist states, geopolitical finance and hybrid neoliberalism in Lagoarde-Segot T ed After the crisis: rethinking finance* Nova Science Publishers, New York 81-100.

6. Cléménçon R (2012), Welcome to the Anthropocene: Rio+20 and the meaning of sustainable development, *The Journal of Environment & Development* 21 311-38.

7. Damon M and Sterner T (2012), Policy instruments for sustainable development at Rio+20, *The Journal of Environment & Development* 21 143-51.

8. Davies A R (2013), Cleantech clusters: transformational assemblages for a just, green economy or just business as usual?, *Global Environmental Change* 23 1285-95.

9. Martinelli A and Midttun A (2012), *Introduction: towards green growth and multilevel governance* *Energy Policy* 48 1-4.

10. Pearce D W, Markandya A and Barbier E B (1989), *Blueprint for a green economy* Earthscan, London.

11. Schmalensee R (2012), *From “green growth” to sound policies: an overview* *Energy Economics* 34 S2-S6.

12. United Nations Environment Programme (UNEP) (2011), *Towards a green economy: pathways to sustainable development and poverty eradication* United Nations Environment Programme, Nairobi.

13. Zysman J, Huberty M, Behrens A, Colijn B, Tol R S, Ferrer J N, Aglietta M and Hourcade J-C (2012), *Green growth* *Intereconomics* 47 140-64.